

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 10 năm 2013

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC C. NGÃI	
CV	Số: 7337
DEN	Ngày: 23/10/13
Chuyên: Dự án Giảm nghèo khu vực Tây Nguyên – tỉnh Quảng Ngãi	

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi  
Dự án Giảm nghèo khu vực Tây Nguyên – tỉnh Quảng Ngãi

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 17/5/2012 của UBND tỉnh  
Quảng Ngãi về việc thành lập Ban Chuẩn bị dự án Giảm nghèo bền vững khu  
vực Tây Nguyên – tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của UBND tỉnh  
Quảng Ngãi về việc giao vốn đầu tư phát triển cho dự án Giảm nghèo khu vực  
Tây Nguyên – tỉnh Quảng Ngãi;

Thực hiện Công văn số 10284/BKHĐT-KTĐP&LT ngày 11/12/2012  
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu  
khả thi (BCNCKT) cấp tỉnh, dự án Giảm nghèo khu vực Tây Nguyên  
(GNKVTN) vay vốn Ngân hàng Thế giới (NHTG), Công văn số  
10462/BKHĐT-KTĐP&LT ngày 17/12/2012 về hướng dẫn nội dung kế hoạch  
thực hiện khảo sát giai đoạn 2 BCNCKT cấp tỉnh, dự án GNKVTN;

Xét đề nghị của Trưởng Ban chuẩn bị Dự án Giảm nghèo bền vững khu  
vực Tây Nguyên - tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số 02/TT-BCB ngày 22/8/2013;  
kết quả thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 1106/SKHĐT  
ngày 15/10/2013,

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Giảm nghèo khu  
vực Tây Nguyên - tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung sau:

- Tên dự án:** Dự án Giảm nghèo khu vực Tây Nguyên - tỉnh Quảng  
Ngãi.
- Nhà tài trợ:** Ngân hàng Thế giới.
- Cơ quan lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:** Trường Đại học Kinh tế  
Quốc dân, Viện Chính sách công và Quản lý.
- Cơ quan chủ quản:** UBND tỉnh Quảng Ngãi.
- Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án (BQLDA) tỉnh, BQLDA 3 huyện:  
Sơn Tây, Sơn Hà, Ba Tơ và Ban Phát triển (BPT) 15 xã trong vùng dự án.
- Thời gian thực hiện:** Dự kiến là 5 năm, từ năm 2014 đến năm 2018.

## 7. Nội dung dự án

### a) Mục tiêu dự án

(1) *Mục tiêu phát triển dự án:* Nâng cao cơ hội sinh kế cho các hộ gia đình và cộng đồng nghèo tại 15 xã thuộc 3 huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Ba Tơ của tỉnh.

(2) *Mục tiêu cụ thể của dự án:* Cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng (CSHT) cấp xã và thôn, bản để hỗ trợ sản xuất, cải thiện điều kiện sinh hoạt và tạo việc làm trong xây dựng CSHT, cung cấp an ninh lương thực và dinh dưỡng, đa dạng hóa các loại hình sinh kế hàng hóa, phát triển sinh kế, kết nối thị trường thông qua hợp tác với khu vực doanh nghiệp để cải thiện thu nhập bền vững; cải thiện điều kiện CSHT kết nối cấp huyện để thúc đẩy sản xuất, tăng cường tiếp cận dịch vụ công, đồng thời nâng cao năng lực cán bộ, thúc đẩy truyền thông, nâng cao nhận thức và đảm bảo quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả các hoạt động thực hiện dự án.

### b) Vùng hưởng lợi của dự án

(1) *Các huyện giáp với Tây Nguyên thuộc tỉnh Quảng Ngãi:* Có tỷ lệ hộ nghèo trên 32% đều được tham gia dự án, đó là 3 huyện: Sơn Hà, Sơn Tây và Ba Tơ.

#### (2) Các xã được lựa chọn trong huyện dự án:

- Huyện Sơn Hà gồm: Xã Sơn Nham, Sơn Thành, Sơn Linh, Sơn Cao, Sơn Kỳ.
- Huyện Sơn Tây gồm: Sơn Mùa, Sơn Long, Sơn Màu, Sơn Liên, Sơn Tinh.
- Huyện Ba Tơ gồm: Ba Khâm, Ba Trang, Ba Lê, Ba Giang, Ba Tô.

### c) Các hợp phần của dự án: Dự án gồm 4 hợp phần.

#### (1) Hợp phần phát triển cơ sở hạ tầng cấp xã và thôn, bản (HP1):

Hợp phần này có tổng vốn đầu tư gần 5,956 triệu USD, dự án không khuyến khích các công trình có đèn bù, tái định cư, thu hồi đất. HP này có 2 tiểu hợp phần (THP):

- THP Phát triển CSHT cấp xã và thôn, bản (THP 1.1): Tập trung đầu tư xây dựng CSHT phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp cho phát triển sinh kế và đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân.

- THP Vận hành và bảo trì (THP 1.2): Để đảm bảo các công trình CSHT trên địa bàn xã phát huy được bền vững cần được thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa nhỏ (mỗi công trình không quá 30 triệu đồng) với tổng kinh phí là 10% của THP1.1.

- Cấp làm chủ đầu tư: Xã sẽ được giao làm chủ đầu tư đối với các công trình có sự tham gia của cộng đồng và các công trình sửa chữa nhỏ trong THP 1.2; BQL dự án cấp huyện làm chủ đầu tư đối với các công trình có phát sinh bồi thường, thu hồi đất, tái định cư và các công trình không có sự tham gia của cộng đồng.

- Phương thức thực hiện: Cách thức thực hiện nội dung THP1.1 thông qua 2 hình thức đấu thầu là: Đấu thầu có sự tham gia của cộng đồng và đấu thầu thông thường. Việc xác định cách thức thực hiện theo quy định hiện hành mua sắm đấu thầu của Ngân hàng Thế giới (NHTG) và tuân thủ các quy định về trình duyệt kế hoạch đấu thầu, kết quả đánh giá và lựa chọn nhà thầu của Chính phủ Việt Nam.

- Kế hoạch thực hiện 18 tháng đầu tiên: các công trình được đầu tư trong 18 tháng đầu của dự án gồm:

STT	Huyện	Số lượng công trình	Tổng giá trị đầu tư	Công trình có sự tham gia cộng đồng	
				Tỷ đồng	Số lượng công trình
1	Sơn Tây	10	6,5	5	1,5
2	Sơn Hà	10	6,5	5	1,5
3	Ba Tơ	10	6,5	5	1,5

### (2) Hợp phần phát triển sinh kế bền vững (HP2):

Hợp phần này có tổng vốn dự kiến 3,3 triệu USD và không yêu cầu vốn đối ứng. Mục tiêu là cải thiện an ninh lương thực và dinh dưỡng, đa dạng hóa sinh kế, phát triển liên kết thị trường để tạo thu nhập cho người dân.

Phương thức hỗ trợ: Các hỗ trợ của dự án cho người dân được thông qua các tổ nhóm cải thiện sinh kế (LEG), các LEG được thành lập trên cơ sở tự nguyện có quy mô từ 10-20 hộ/LEG và có các loại LEG sau: LEG an ninh lương thực – dinh dưỡng, LEG đa dạng hóa sinh kế, LEG kết nối thị trường.

Các tiêu hợp phần (THP):

- THP tự chủ và đa dạng hóa thu nhập (THP 2.1):

+ Dự án đưa ra gói sinh kế về an ninh lương thực và dinh dưỡng (ANLT&DD) cho các hộ nghèo và cận nghèo để lựa chọn một hoặc một số trong gói ANLT& DD như trồng lúa, ngô, rau và chăn nuôi gia cầm, gia súc nhỏ.

+ Các loại hình đa dạng hóa sinh kế, đa dạng hóa thu nhập: Các hoạt động sinh kế của dự án bao gồm: Trồng sa nhân, trồng bời lời, bời lời xen mỳ, mây nước, chăn nuôi bò, trồng mía. Các LEG đa dạng hóa sinh kế để xuất các nhu cầu và các lựa chọn để tổ chức thực hiện và tiêu thụ sản phẩm.

+ Dự án hỗ trợ vốn cho các LEG về ANLT&DD tối đa trong 2 năm, năm thứ 3 trở đi chỉ hỗ trợ kỹ thuật; dự án hỗ trợ vốn cho LEG về đa dạng hóa sinh kế trong 01 năm, năm thứ 2 trở đi chỉ hỗ trợ kỹ thuật.

+ Cấp làm chủ đầu tư: Ban phát triển xã làm chủ đầu tư THP 2.1

- THP Phát triển kết nối thị trường (THP 2.2):

THP Phát triển kết nối thị trường xác định các loại hình có tiềm năng thị trường để tìm kiếm doanh nghiệp thu mua sản phẩm, dự án sẽ hỗ trợ trong việc thảo luận, đàm phán, ký kết các thỏa thuận giữa các bên trong cung cấp dịch vụ, tiêu thụ sản phẩm.

+ Dự án sẽ là cầu nối cho các bên là doanh nghiệp, đơn vị cung cấp dịch vụ và đơn vị cung cấp đầu vào.

+ Cấp làm chủ đầu tư: BQL dự án cấp huyện làm chủ đầu tư THP 2.2

+ Kế hoạch thực hiện 18 tháng đầu gồm: Phát triển lúa nước 2 ha, phát triển ngô lai 2,5 ha, cải tạo vườn hộ 0,1 ha, chăn nuôi bò 11 con, trồng mía 10 ha.

(3) *Hợp phần cơ sở hạ tầng kết nối cấp huyện, nâng cao năng lực và truyền thông (HP3):*

Hợp phần này có tổng vốn đầu tư khoảng 5,1 triệu USD và gồm có 3 tiểu hợp phần (THP) là:

- THP phát triển cơ sở hạ tầng kết nối (THP 3.1):

+ Nhằm tăng cường tính kết nối của CSHT kinh tế - xã hội cấp huyện để thúc đẩy các hoạt động sinh kế và góp phần cải thiện tiếp cận CSHT kinh tế - xã hội trong phạm vi huyện.

+ Cấp làm chủ đầu tư của THP 3.1: BQLDA tỉnh sẽ quyết định cấp làm chủ đầu tư cho các hạng mục của THP này trên cơ sở tham khảo ý kiến UBND huyện và thông báo bằng văn bản của Ban Điều phối dự án Trung ương.

+ Kế hoạch 18 tháng đầu: Mỗi huyện (Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây) chọn một công trình với tổng kinh phí đầu tư cho một công trình là 2,93 tỷ đồng.

- THP Nâng cao năng lực (THP 3.2):

THP này nhằm nâng cao năng lực (NCNL) cho cán bộ quản lý dự án ở các cấp, hướng dẫn viên cộng đồng (CF), cán bộ các cơ quan hữu quan phối hợp có đủ kỹ năng, kiến thức lập kế hoạch, triển khai và giám sát thực hiện dự án.

+ Nội dung thực hiện: Bao gồm các khóa tập huấn và tham quan, chia sẻ kinh nghiệm với hình thức thuê tư vấn hoặc tự đào tạo theo sở tay hướng dẫn.

+ Kế hoạch tập huấn trong 18 tháng đầu: Tập huấn quản lý dự án, tập huấn về đấu thầu và xã làm chủ đầu tư, công tác tài chính kế toán, tập huấn kỹ năng về lập kế hoạch, tập huấn về phát triển sinh kế, giám sát cộng đồng, mô hình sản xuất tổ nhóm.

+ Cấp làm chủ đầu tư THP 3.2: Chủ đầu tư các hoạt động NCNL là BQL dự án tỉnh. Một số nội dung hoạt động cụ thể BQL tỉnh sẽ quyết định cho BQL huyện làm chủ đầu tư

- THP Truyền thông và chia sẻ tri thức (THP 3.3):

THP này nhằm đảm bảo các đối tượng tiếp cận các nội dung, hoạt động dự án để tăng kỹ năng, kỹ thuật trong sản xuất; cung cấp thông tin công khai, minh bạch đến tất cả các đối tượng để mọi người có nhận xét, phản hồi về hoạt động của dự án nhằm tăng cường vai trò của người dân trong giám sát cộng đồng.

+ Phương pháp thực hiện: Bao gồm các kênh truyền thông chính thức như Đài Phát thanh – Truyền hình Quảng Ngãi, Báo Quảng Ngãi để xây dựng phong sự truyền hình, phát thanh, báo và sử dụng các tờ rơi, panô, áp phích để tăng sự hiểu biết của người dân về dự án.

+ Cấp làm chủ đầu tư THP 3.3: Các hoạt động trong THP 3.3 do BQLDA tỉnh làm chủ đầu tư.

**(4) Hợp phần quản lý dự án (HP4):**

- Hợp phần này có tổng vốn là 811.067 USD được phân bổ 100% vốn ngay từ đầu, nhằm quản lý hiệu quả các hoạt động theo thiết kế dự án, hệ thống giám sát và đánh giá cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động, kết quả và tác động của dự án.

- Nội dung hoạt động bao gồm: Lập kế hoạch; giám sát và đánh giá (M&E); kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập; điều phối và hướng dẫn chung; mua sắm thiết bị văn phòng.

**d) Tổng mức đầu tư, nguồn vốn và phân bổ vốn**

(1) *Tổng vốn đầu tư:* Tổng vốn đầu tư ước tính 16.086.618 USD, bao gồm vốn vay khoảng 15.206.725 USD, vốn đối ứng 879.893 USD.

(2) *Phân bổ vốn đầu tư:* Khi bắt đầu thực hiện, dự án phân bổ 85% vốn vay của 3 hợp phần (1,2,3), riêng hợp phần 4 phân bổ 100% ngay từ đầu. Sau 30 tháng thực hiện sẽ tiếp tục phân bổ 15% vốn còn lại của dự án

ĐVT: USD

	<b>HP1</b>	<b>HP2</b>	<b>HP3</b>	<b>HP4</b>	<b>Tổng vốn</b>
<b>Ba Tơ</b>	1.945.307	1.237.104	1.700.000	193.482	5.075.893
<b>Sơn Hà</b>	3.138.768	1.666.896	1.700.000	193.482	6.699.146
<b>Sơn Tây</b>	872.727	434.856	1.700.000	193.482	3.201.065
<b>Tỉnh</b>				230.621	230.621
<b>Tổng</b>	<b>5.956.802</b>	<b>3.338.856</b>	<b>5.100.000</b>	<b>811.067</b>	<b>15.206.725</b>

**e) Quản lý và vận hành dự án**

(1) *Cơ sở pháp lý của quản lý dự án:* Khung pháp lý đối với quản lý và vận hành dự án gồm 4 nhóm sau: các văn bản về quản lý ODA; văn bản về quản lý xây dựng; các văn bản về đấu thầu mua sắm; văn bản công tác quản lý tài chính. Việc xây dựng sổ tay hướng dẫn trên cơ sở các văn bản này.

**(2) Tổ chức quản lý và thực hiện dự án:**

- Vai trò chỉ đạo của UBND tỉnh: Dự án không thành lập Ban chỉ đạo và sẽ phân công một đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi chỉ đạo dự án.

- Các cơ quan có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND 3 huyện: Sơn Hà, Sơn Tây và Ba Tơ.

Để thực hiện dự án có hiệu quả, phát huy các nguồn lực được sử dụng trong dự án ở tất cả các cấp, BQL sẽ được thành lập ở tất cả 3 cấp: Tỉnh, huyện và xã.

- Thành lập BQL dự án tỉnh:

+ Nhiệm vụ: BQLDA tỉnh có nhiệm vụ trực tiếp quản lý, điều hành thực hiện các hoạt động của dự án tại tỉnh bao gồm: Thực hiện chức năng giám sát, đánh giá, báo cáo tình hình hoạt động, theo dõi quản lý về tổ chức, tài chính và tiến độ thực hiện; hỗ trợ cho BQL huyện, BPT xã trong quá trình thực hiện.

+ Nhân sự: Nhân sự BQLDA gồm: Giám đốc BQLDA là lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư làm việc kiêm nhiệm, Phó Giám đốc BQLDA làm việc chuyên trách, các bộ phận bao gồm: nhóm cán bộ đầu thầu và CSHT, nhóm cán bộ sinh kế và phát triển thị trường, nhóm cán bộ nâng cao năng lực và truyền thông, nhóm cán bộ kế hoạch - tài chính - kế toán, cán bộ giám sát và đánh giá (M&E), nhóm cán bộ hành chính. Tổng số cán bộ BQL cấp tỉnh tối đa không quá 12 người.

- Thành lập BQL dự án huyện:

+ Nhiệm vụ: Phối hợp với BQLDA tỉnh để tổ chức thực hiện trên địa bàn cấp huyện bao gồm: thực hiện chức năng chủ đầu tư về xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực, thực hiện công tác giám sát, đánh giá trên địa bàn huyện, báo cáo kết quả thực hiện, kiểm tra đôn đốc; hỗ trợ Ban Phát triển các xã thực hiện hợp phần 1 và 2.

+ Nhân sự BQLDA huyện gồm: Giám đốc BQLDA huyện là lãnh đạo UBND huyện làm việc kiêm nhiệm, Phó giám đốc làm việc chuyên trách, các nhóm cán bộ bao gồm: Cán bộ đầu thầu và CSHT, nhóm sinh kế và phát triển thị trường, nhóm nâng cao năng lực truyền thông và môi trường – xã hội, nhóm kế hoạch – tài chính – kế toán, cán bộ hành chính. Tổng số cán bộ BQL huyện không quá 15 người (bao gồm cả 5 hướng dẫn viên cộng đồng)

- Thành lập Ban phát triển xã:

+ Nhiệm vụ: Lập kế hoạch hoạt động ở cấp xã, thực hiện chức năng chủ đầu tư, thực hiện công tác giám sát cộng đồng; chủ trì hướng dẫn thôn, bản thực hiện lập kế hoạch có sự tham gia của người dân, tuyên truyền phổ biến cho nhân dân tham gia thực hiện dự án; hỗ trợ các hoạt động của LEG và tổ nhóm vận hành, bảo trì.

+ Nhân sự BPT xã gồm: Trưởng ban là lãnh đạo của UBND xã, Phó ban là lãnh đạo Hội phụ nữ, các thành viên là cán bộ địa chính, nông nghiệp, văn phòng và kế toán xã, ngoài ra mỗi thôn có 2 đại diện (gồm 1 nam, 1 nữ) trong BPT xã.

**f) Quản lý tài chính**

(1) *Xây dựng kế hoạch tài chính*: Kế hoạch tài chính phải đáp ứng yêu cầu thực tế của dự án và bao gồm cả nguồn vốn vay và vốn đối ứng. Việc xây dựng kế hoạch tài chính phải bao gồm 3 cấp BQL tỉnh, huyện và BPT xã.

(2) *Mở tài khoản tại ngân hàng và kho bạc*:

- Tại Ngân hàng thương mại:

+ BQLDA tỉnh mở một tài khoản ngoại tệ để nhận và sử dụng vốn vay.

+ BQL huyện và BPT xã mở một tài khoản đồng Việt Nam để nhận và sử dụng vốn vay.

- Tại Kho bạc Nhà nước:

+ BQL tỉnh mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước tỉnh để nhận và sử dụng vốn đối ứng.

+ BQL huyện và BPT xã mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước huyện để nhận, sử dụng vốn đối ứng.

(3) *Cơ chế giải ngân*: Quy trình giải ngân sẽ được mô tả chi tiết trong sổ tay hướng dẫn theo nguyên tắc tạm ứng theo kế hoạch từ tài khoản được chỉ định của BQL dự án tính về tài khoản BQL dự án huyện, dự án xã để thực hiện giải ngân sau khi có hồ sơ kiểm soát chi và thẻ chế hóa chứng từ từ xã lên huyện lên BQL dự án tính để thực hiện công tác hoàn ứng.

### **g) Quản lý đấu thầu**

(1) *Việc tuyển chọn tư vấn và đấu thầu*: Về mua sắm hàng hóa, dịch vụ, tư vấn, xây lắp công trình phải căn cứ vào việc sử dụng nguồn vốn để tổ chức thực hiện.

- Đối với việc sử dụng 100% vốn đối ứng thì công tác đấu thầu thực hiện theo các quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam.

- Đối với việc có sử dụng nguồn vốn vay của Ngân hàng thế giới (NHTG) thì áp dụng các quy định của NHTG có hiệu lực tại thời điểm thực hiện dự án về hình thức kiểm tra trước và ngưỡng đấu thầu (được quy định cụ thể trong sổ tay hướng dẫn) nhưng phải tuân thủ theo các quy định về trình duyệt kế hoạch đấu thầu, kết quả đánh giá và lựa chọn nhà thầu, hợp đồng theo quy định của Chính phủ Việt Nam.

#### *(2) Kế hoạch đấu thầu:*

- Kế hoạch đấu thầu 18 tháng phải được NHTG thông qua khi thẩm định dự án để triển khai thực hiện trong giai đoạn đầu.

- Kế hoạch đấu thầu hàng năm của dự án tính phải được NHTG thông qua và có thư không phản đối thì mới có hiệu lực thi hành.

(3) *Nguưỡng đấu thầu*: Nguưỡng đấu thầu các dịch vụ tư vấn xây dựng, mua sắm hàng hóa, xây lắp và hình thức kiểm tra của NHTG được quy định chi tiết trong BCNCKT và cụ thể trong sổ tay hướng dẫn.

### **h) Minh bạch và phòng chống tham nhũng**

(1) *Tăng cường kiểm soát quy trình đặc thù*: Thực hiện cho tất cả các giai đoạn lập kế hoạch, thiết kế, đấu thầu mua sắm để giảm thiểu các rủi ro.

(2) *Tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát như*: Đánh giá độc lập, cơ chế báo cáo, khiếu nại và xử lý, hỗ trợ và giám sát của nhà tài trợ, hỗ trợ của chính quyền địa phương.

(3) *Nhóm các biện pháp bổ trợ*: Nhằm nâng cao nhận thức, năng lực, tăng cường cam kết các bên của dự án; đồng thời tăng cường tính công khai và minh bạch về thông tin dự án đến các bên có liên quan.

#### **i) Giám sát và đánh giá tác động dự án**

##### **(1) Khung kết quả dự án:**

- Về mục tiêu phát triển của dự án: Các chỉ tiêu được đánh giá là số đối tượng được hưởng lợi; tỷ lệ % các đối tượng hưởng lợi hài lòng; tỷ lệ % thay đổi trong tiêu dùng của các hộ hưởng lợi.

- Mục tiêu Hợp phần Phát triển CSHT cấp xã và thôn, bản: Các chỉ tiêu được đánh giá là số Km đường, số Km kênh mương, số phòng học, trạm y tế... được làm mới; tỷ lệ % người hưởng lợi hài lòng; tỷ lệ % tăng cường sự tham gia của phụ nữ và các cuộc họp tại thôn bản.

- Mục tiêu Hợp phần phát triển sinh kế bền vững: Các chỉ tiêu được đánh giá là số LEG được thành lập; tỷ lệ % tăng thu nhập của gia đình; số tháng trong năm các hộ hưởng lợi thiếu lương thực.

- Mục tiêu Hợp phần phát triển CSHT kết nối cấp huyện: Các chỉ tiêu được đánh giá là tỷ lệ % thay đổi kết nối; tỷ lệ % lượt người tham gia hoạt động NCNL; tỷ lệ % cán bộ QLDA các cấp đáp ứng các nhu cầu công việc.

- Mục tiêu Hợp phần quản lý dự án: Đánh giá việc thành lập và bố trí cán bộ trong BQLDA các cấp; chất lượng và thời gian nộp báo cáo quý, tháng.

(2) *Hệ thống giám sát đánh giá*. Hệ thống giám sát đánh giá bao gồm 2 hệ thống chính là:

- Hệ thống thông tin quản lý: Bao gồm các biểu mẫu, báo cáo thông tin định kỳ, bao gồm cả số liệu điều tra đầu kỳ và số liệu điều tra cuối kỳ.

- Các thông tin được thu thập độc lập.

(3) *Đảm bảo an toàn xã hội*:

- Các nhóm dễ bị tổn thương trong vùng dự án: Là các hộ nghèo nhất, hộ nghèo dân tộc thiểu số, phụ nữ sẽ được dự án can thiệp ở mức độ cao nhất.

- Các chính sách bảo đảm an toàn xã hội của dự án:

+ Tăng cường sự tham gia của các nhóm dễ bị tổn thương trong công tác lập kế hoạch ở cấp thôn, xã.

+ Tăng cường sự can thiệp vào các nhóm dễ bị tổn thương trong hình thức đấu thầu có sự tham gia của cộng đồng trong việc đào tạo kỹ năng lao động, tham gia vào các LEG...

+ Tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức.

+ Tập huấn NCNL cho các nhóm hưởng lợi.

+ Giám sát sự tham gia và mức độ thụ hưởng của các đối tượng dễ bị tổn thương.

(4) *Đảm bảo an toàn về môi trường*: Tác động về môi trường của dự án GNKVTN tại tỉnh Quảng Ngãi là không lớn vì quy mô hoạt động nhỏ; tất cả các hoạt động xây dựng CSHT và sinh kế ít ảnh hưởng đến môi trường trên địa bàn dự án triển khai.

(5) *Khung chính sách đền bù, tái định cư*: Khung chính sách đền bù, tái định cư của dự án GNKVTN là đảm bảo cho tất cả các hộ dân bị ảnh hưởng đến việc thu hồi đất cho dự án đều được đền bù các tài sản bị thiệt hại (từ nguồn vốn đối ứng) để giúp họ cải thiện cuộc sống hoặc ít nhất bằng với mức sống trước khi có dự án triển khai.

(6) *Tính bền vững của dự án*:

- Vận hành và bảo trì công trình: Dự án đã dành riêng 10% kinh phí trong hợp phần 1 để người dân tham gia vận hành và bảo trì công trình; đồng thời tăng tính độc lập của người dân trong công tác duy tu bảo dưỡng công trình.

- Khả năng áp dụng kiến thức sau tập huấn cho hoạt động sinh kế: Mức độ các hoạt động sinh kế đều phù hợp với người dân (do người dân tự chọn); các thành viên của LEG có sự trao đổi và hỗ trợ cho nhau; cán bộ CF sẽ hỗ trợ trong nhiều năm.

**Điều 2.** Quyết định này quy định các nội dung cơ bản, là cơ sở để các cơ quan, đơn vị theo dõi tình hình thực hiện và các chủ đầu tư tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, huyện và xã dự án.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban Dân tộc; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Ba Tơ, Sơn Tây, Sơn Hà; các chủ đầu tư (BQLDA tỉnh, BQLDA 3 huyện Sơn Tây, Sơn Hà, Ba Tơ, BPT 15 xã) và Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, các P.Ng/cứu,CBTH;
- Lưu VT. ĐNMN dqv645

**CHỦ TỊCH**



Cao Khoa